

KẾ HOẠCH

**thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị
về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XIV của Đảng**

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (gọi tắt là *Chỉ thị 35-CT/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp trong tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030, như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, nhằm tạo sự đoàn kết, thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng; đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội của cấp mình nhiệm kỳ 2020-2025; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ 2025-2030 và bầu cử cấp ủy khóa mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp theo mục đích, yêu cầu sau:

1. Tổ chức quán triệt, nghiên cứu, học tập nghiêm túc Chỉ thị 35-CT/TW; nắm vững các yêu cầu, nội dung được nêu trong Chỉ thị và Kế hoạch này, qua đó triển khai, tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả.

2. Công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp phải bảo đảm ổn định, an toàn, chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ, thời gian theo quy định.

3. Phát huy dân chủ, đoàn kết đi đôi với giữ vững nguyên tắc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu trong việc triển khai, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện.

4. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội phải coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài, gây bức xúc mà cán bộ, đảng viên, Nhân dân quan tâm.

II- NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, nghiên cứu, học tập Chỉ thị của Bộ Chính trị

- Đối với cấp tỉnh: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các ban đảng tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ của tỉnh (**đã hoàn thành ngày 20/6/2024**).

- Đối với cấp huyện và cấp cơ sở: hoàn thành **trong giữa tháng 7/2024**.

2. Nội dung Đại hội đảng bộ các cấp

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung: (1) Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020-2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025-2030; (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp; (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030; (4) Bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đảng bộ cấp trên.

Những nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp uỷ có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội với 3 nội dung, chưa tiến hành bầu cấp uỷ khóa mới.

3. Chuẩn bị văn kiện Đại hội và tổ chức thảo luận

3.1. Dự thảo văn kiện của cấp uỷ trình Đại hội gồm 02 báo cáo chủ yếu

- *Báo cáo chính trị của đảng bộ* là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, của cấp trên, dự báo được tình hình để đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cho nhiệm kỳ 2025-2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

- *Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ* phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020-2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025-2030.

3.2. Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện

- Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện Đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ của tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

- Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu; trong thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

3.3. Về các hình thức tổ chức hội nghị thảo luận dự thảo các văn kiện

Căn cứ yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức hội nghị thảo luận, đóng góp vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ cấp trên và của cấp mình, cụ thể: (1) Đại hội cấp cơ sở thảo luận dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng; dự thảo văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp và của cấp mình. (2) Đại hội cấp huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc thảo luận dự thảo văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng; dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và của cấp mình.

- Đối với cấp cơ sở

+ Tổ chức hội nghị chi, đảng bộ cơ sở; hội nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; hội nghị các tổ chức chính trị-xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương thảo luận tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, dự thảo văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp và của cấp mình.

+ Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các hội nghị, cấp ủy cơ sở tổng hợp trình đại hội cấp mình thảo luận thông qua và báo cáo lên đảng bộ cấp trên trực tiếp.

- Đối với các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc

+ Các huyện ủy, thành ủy bằng hình thức thích hợp lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trong nhiệm kỳ 2025-2030, gắn kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương với định hướng phát triển của các ngành trong tỉnh.

+ Tổ chức hội nghị cán bộ và hội nghị Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội để thảo luận tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và dự thảo văn kiện Đại hội cấp mình.

Thành phần hội nghị cán bộ gồm: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ; trưởng, phó các ban, ngành, Mặt trận, tổ chức chính trị-xã hội huyện, thành phố; bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Đối với hội nghị Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội: Tùy theo điều kiện của từng địa phương, có thể tổ chức hội nghị lấy ý kiến chung tất cả các đối tượng hoặc từng đối tượng: Cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, chuyên gia, thanh niên, phụ nữ, công đoàn, nông dân, cựu chiến binh,...

+ Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các chi, đảng bộ cơ sở và ý kiến của các hội nghị được tổ chức, Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, đảng ủy tổng hợp thông qua Đại hội Đảng bộ cấp mình và báo cáo lên Đảng bộ tỉnh.

- Đối với cấp tỉnh

+ Tổ chức hội nghị góp ý dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV: Tổ chức Hội thảo về những định hướng phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Ninh Thuận 05 năm 2025-2030; các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn đến năm 2040 và năm 2050 (*Giao Tiểu ban Nội dung chỉ đạo Tổ chuyên đề Kinh tế-Xã hội thực hiện*).

Thành phần hội nghị: Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh uỷ viên nghỉ hưu qua các thời kỳ. Mời các nhà khoa học, trí thức, chuyên gia các lĩnh vực, ...

+ Tổ chức hội nghị cán bộ và hội nghị Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Công bố dự thảo nội dung văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng và dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV trên phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến.

Thành phần hội nghị cán bộ gồm: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; trưởng, phó các sở, ban ngành, Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành phố; Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (*Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu thực hiện*).

Thành phần hội nghị Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội: Tùy hình thức phù hợp, Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội tổ chức lấy ý kiến đóng góp trong các thành phần: Các đồng chí nguyên lãnh đạo MTTQVN, các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh nghỉ hưu qua các thời kỳ, các nhà khoa học, trí thức, chuyên gia,...; cán bộ lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh (*Giao các Đảng đoàn: Mặt trận TQVN, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn thực hiện*).

+ Trên cơ sở ý kiến đóng góp tại Đại hội các huyện, thành, đảng ủy trực thuộc và ý kiến đóng góp của các hội nghị cán bộ, hội nghị Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân; Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng hợp trình Đại hội Đảng bộ tỉnh thông qua và báo cáo lên Đại hội XIV của Đảng.

* *Lưu ý:* Trong thảo luận các dự thảo văn kiện cần phát huy dân chủ, coi trọng quyền phát biểu ý kiến của đại biểu, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Chủ trì các hội nghị quy định thời gian để mỗi đại biểu phát biểu ý kiến (từ 10-15 phút), tập trung vào những vấn đề trọng tâm, đề xuất giải pháp đột phá, ngắn gọn, có chất lượng, khắc phục việc đọc tham luận dài, chung chung, liệt kê thành tích.

4. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

4.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017, Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khóa XII, Quy định số 48-QĐ/TU, ngày 26/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể nêu tại *Phụ lục 1*, Kế hoạch này.

4.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội

Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (*là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp*): Cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp huyện và tương đương tháng 6/2025; cấp tỉnh tháng 9/2025.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đoàn đại biểu Quốc hội tháng 5/2026.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

4.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội

Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 4.2 nêu trên.

Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp (*Phụ lục 2*).

Cán bộ tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 18

tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức. Thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 4.2 nêu trên.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII thực hiện quy định về độ tuổi tái cử theo Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng.

4.4. Cơ cấu, số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên thường vụ và phó bí thư cấp uỷ

(1) Cơ cấu cấp uỷ

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp uỷ đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp uỷ; quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu “cứng” tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp uỷ quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp uỷ nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp uỷ hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân ở các cấp. Thực hiện bố trí bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp huyện, cấp xã đối với những nơi có đủ điều kiện (*địa phương có quy mô hợp lý; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được ban thường vụ tỉnh uỷ đồng ý*).

- Mỗi đồng chí trong thường trực cấp uỷ cơ bản không giữ quá 2 chức danh trong các chức danh lãnh đạo: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng đoàn đại biểu Quốc hội; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp uỷ cấp huyện không là người địa phương (*hoàn thành 100%*) gắn với việc sử dụng, bố trí hài hòa nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch; khuyến khích thực hiện ở cấp xã và các chức danh khác.

- Phân công, bố trí công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp uỷ cấp huyện và tương đương trở lên đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (*từ 8 năm trở lên*) tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Phân đấu đạt tỉ lệ cấp uỷ viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; phân đấu tỉ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện; dưới 40 tuổi đối với cấp xã*) từ 10% trở lên (*tính cho cả nhiệm kỳ*); tỉ lệ cấp uỷ viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cấp uỷ và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền phải có trách nhiệm, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo,

bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bố trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp uỷ khóa mới theo quy định.

- Phân đấu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp uỷ viên trong mỗi nhiệm kỳ. Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp uỷ các cấp và phân đấu thực hiện trong ban thường vụ, thường trực cấp uỷ.

- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp uỷ theo Chỉ thị 35-CT/TW và Kế hoạch này, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.

- Đảng uỷ Quân sự, Công an, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Đảng uỷ Khối Cơ quan-Doanh nghiệp tỉnh căn cứ Chỉ thị 35-CT/TW, các quy định có liên quan của ngành cấp trên và Kế hoạch này, hướng dẫn cụ thể về cơ cấu cấp uỷ, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp uỷ và việc đổi mới cấp uỷ đối với chi bộ, đảng bộ trong lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trực thuộc có tính chất đặc thù đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn.

(2) Số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ và phó bí thư cấp uỷ:

- Số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ và phó bí thư cấp uỷ các cấp quy định tại *Phụ lục 3*.

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp uỷ viên; cấp uỷ khóa mới quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, phó bí thư cấp uỷ trên cơ sở quy định khung của cấp uỷ có thẩm quyền.

4.5. Quy trình nhân sự cấp uỷ

Quy trình nhân sự, gồm: (1) Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử cấp uỷ, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ. (2) Quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp uỷ, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp uỷ (*Phụ lục 4*).

4.6. Thực hiện bầu cử trong Đại hội

- Việc bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp uỷ tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (*không thực hiện đối với các đảng bộ trong quân sự, công an, biên phòng*) ở những nơi có đủ điều kiện (*nội bộ đoàn kết, thống nhất; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được ban thường vụ tỉnh uỷ đồng ý*).

- Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp uỷ, thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự bí thư cấp uỷ trong số các đồng chí vừa

trúng cử vào cấp uỷ khóa mới. Trường hợp đại hội giới thiệu nhân sự khác với phương án nhân sự đã được cấp uỷ có thẩm quyền phê duyệt, thì không tiến hành bầu cử và phải báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cấp trên cho ý kiến chỉ đạo.

5. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự Đại hội cấp trên

- Số lượng đại biểu Đại hội đảng bộ các cấp như sau:

(1) Đại hội Đảng bộ tỉnh không quá 350 đại biểu.

(2) Đại hội Đảng bộ huyện, thành phố không quá 300 đại biểu.

(3) Đại hội Đảng bộ khối Cơ quan-Doanh nghiệp tỉnh không quá 250 đại biểu; Đảng bộ Công an, Quân sự, Biên phòng không quá 150 đại biểu.

(4) Đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên thì tiến hành Đại hội đảng viên; có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành Đại hội đại biểu, số lượng đại biểu không quá 70. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức Đại hội đảng viên và được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý, thì tổ chức Đại hội đại biểu, số lượng đại biểu do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định nhưng không quá 60.

- Cơ cấu đại biểu cơ bản giữ ổn định số lượng, cơ cấu đại biểu ở khối địa phương và bảo đảm có từ 1 đến 2 đại biểu ở ngành, lĩnh vực quan trọng (*không tính đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận tại đại hội.

- Việc bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu Đại hội đảng bộ các cấp.

- Đại hội đảng bộ các cấp được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng đại biểu dự khuyết do Đại hội quyết định.

6. Thời gian và nội dung chuẩn bị tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp

6.1. Thời gian tiến hành Đại hội

- Đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở không quá 01 ngày; ***bắt đầu từ tháng 01/2025 và hoàn thành trong tháng 3/2025.***

- Đại hội đảng viên hoặc Đại hội đại biểu cấp cơ sở không quá 02 ngày; ***bắt đầu từ tháng 4/2025 và hoàn thành trong tháng 5/2025.***

- Đại hội đảng bộ huyện, thành phố, đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ không quá 03 ngày; ***bắt đầu từ tháng 6/2025 và hoàn thành trong tháng 7/2025.***

- Đại hội Đảng bộ tỉnh không quá 04 ngày, ***hoàn thành trong tháng 9/2025.***

- Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh không quá 01 ngày; cấp huyện, thành, đảng uỷ trực thuộc không quá 1/2 ngày.

- Thời gian tổ chức đại hội điểm: Cấp cơ sở vào đầu quý I/2025; cấp huyện và tương đương vào đầu quý II/2025.

- Dừng việc bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ban thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2025 trước 6 tháng tính đến thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội ở mỗi cấp. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6.2. Tổ chức Đại hội điểm, thí điểm

- Đại hội điểm cấp cơ sở rút kinh nghiệm: giao các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc quyết định chọn.

- Đại hội thí điểm trực tiếp bầu bí thư cấp ủy: Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chọn một số đảng bộ cơ sở để tiến hành Đại hội thực hiện thí điểm chủ trương Đại hội bầu trực tiếp Bí thư cấp ủy; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Thời gian Đại hội vào cuối tháng 3/2025.

- Chọn Đảng bộ thành phố Phan Rang Tháp Chàm thực hiện Đại hội điểm rút kinh nghiệm; thời gian Đại hội vào đầu tháng 6/2025.

- Chọn Đảng bộ huyện Ninh Phước thực hiện thí điểm chủ trương Đại hội trực tiếp bầu Bí thư cấp ủy.

6.3. Thời gian và nội dung cụ thể

** Từ tháng 7/2024 đến trước tháng 10/2024*

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt tỉnh để quán triệt Chỉ thị, các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Kế hoạch, văn bản của Tỉnh ủy có liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp, công tác nhân sự đại hội, công tác kiểm tra giám sát, công tác tuyên truyền, công tác bảo vệ chính trị nội bộ,...

- Các cấp ủy đảng hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ, cán bộ chủ chốt các cấp để làm cơ sở cho chuẩn bị nhân sự đại hội (*Lưu ý, rà soát, bổ sung nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số bảo đảm tỉ lệ, cơ cấu theo định hướng*).

- Huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc căn cứ Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành lập hoặc kiện toàn các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội của cấp ủy; tổ chức quán triệt, hướng dẫn đại hội đối với cấp dưới (thành phần tham dự do ban thường vụ cấp ủy quy định); xây dựng kế hoạch, chuẩn bị dự thảo văn kiện và công tác nhân sự Đại hội đảng bộ cấp mình; phân công ủy viên Ban Thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo việc chuẩn bị dự thảo văn kiện và chỉ đạo công tác nhân sự Đại hội đảng bộ cấp dưới.

** Từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024*

- Chỉ đạo kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với tập thể và cá nhân các cấp trước thời gian Đại hội cấp mình (*Lưu ý, đánh giá kỹ cán bộ cấp ủy đương nhiệm và dự nguồn cấp ủy các cấp để làm cơ sở cho công tác chuẩn bị nhân sự*).

- Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quyết định việc phân bổ đại biểu cấp cơ sở đi dự Đại hội cấp mình.

** Từ tháng 01/2025 đến cuối tháng 3/2025*

- Chỉ đạo và tiến hành đại hội các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở.

- Các huyện, thành, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội cấp cơ sở. Tổ chức thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

- Xét duyệt nội dung Đại hội, cho ý kiến số lượng cấp ủy viên và nhân sự cấp ủy cơ sở, ấn định thời gian Đại hội các chi, đảng bộ cơ sở.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ các huyện, thành, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề về mất đoàn kết nội bộ, đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc cán bộ vi phạm kỷ luật...; bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ theo định hướng cơ cấu; thay thế cán bộ không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện trước khi tiến hành Đại hội.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị trình hội nghị Tỉnh ủy quyết định phân bổ đại biểu Đảng bộ huyện, thành phố và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

** Từ tháng 4/2025 đến cuối tháng 7/2025*

- Đại hội các chi, đảng bộ cơ sở.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra công tác chuẩn bị Đại hội và trực tiếp chỉ đạo Đại hội đại biểu cấp huyện, thành, đảng ủy trực thuộc.

- Trong tháng 5/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt nội dung văn kiện Đại hội và nhân sự cấp ủy các huyện, thành, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (*đảng bộ thực hiện đại hội điểm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt trong tháng 4/2025*). Trên cơ sở đó, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tiếp thu, bổ sung hoàn chỉnh các nội dung trước khi tổ chức Đại hội (nếu có).

- Đầu tháng 6/2025, Đảng bộ thành phố Phan Rang-Tháp Chàm thực hiện Đại hội điểm rút kinh nghiệm. Sau đó, các đảng bộ huyện, đảng bộ trực thuộc còn lại tiến hành Đại hội đến cuối tháng 7/2025 hoàn thành và báo cáo kết quả Đại hội về Tỉnh ủy. Tỉnh ủy rút kinh nghiệm việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tiến hành Đại hội cấp huyện và tổng hợp báo cáo kết quả về Trung ương.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoàn thành Đề án nhân sự và thực hiện quy trình nhân sự cấp ủy tỉnh khóa XV, văn kiện Đại hội,.. trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua, báo cáo Bộ Chính trị.

* *Từ tháng 8/2025 đến tháng 9/2025*: Tiếp thu bổ sung, hoàn chỉnh văn kiện,.. theo chỉ đạo của Trung ương (nếu có), trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét thông qua và tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030.

7. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau Đại hội

- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội theo phương án nhân sự đại hội và yêu cầu tình hình thực tiễn.

- Đối với cán bộ không tái cử (*cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*), nhưng còn thời gian công tác từ 24 tháng đến dưới 30 tháng, nếu còn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe và có nguyện vọng công tác, thì xem xét, bố trí công việc phù hợp (*trừ cán bộ có nguyện vọng nghỉ hưu sớm, thì cho nghỉ hưu trước tuổi nhưng không bị trừ tỉ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng trợ cấp một lần theo quy định của pháp luật*). Cán bộ còn dưới 24 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu địa phương, cơ quan, đơn vị có khó khăn, không thể sắp xếp, bố trí, thì cần chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên cán bộ nghỉ công tác, cơ bản giữ nguyên chế độ và chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Cán bộ không đủ tuổi tái cử hoặc có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì kịp thời giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ ở cấp xã không tái cử thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và quy định của pháp luật.

- Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo có cơ cấu cấp ủy nhưng không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 thực hiện như sau:

Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (*trừ các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII*), thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của hội đồng nhân dân sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân, thì để cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021-2026.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và xây dựng kế hoạch thực hiện ở cấp mình; lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đối với các đảng bộ trực thuộc; làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền gắn với các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025.

2. Các cấp ủy thành lập các Tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội; phân công ủy viên thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới (*nếu có*); tổ chức Đại hội điểm để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ban Thường vụ cấp ủy cấp dưới báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự cấp ủy khóa mới, khi được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành Đại hội. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về dự thảo các văn kiện, đề án nhân sự cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy và phân công ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra việc chuẩn bị, dự và chỉ đạo đại hội các đảng bộ trực thuộc.

3. Giao các Tiểu ban: Nhân sự, Nội dung, Phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, căn cứ Kế hoạch này, rà soát, điều chỉnh kế hoạch của từng Tiểu ban bảo đảm phù hợp với thời gian quy định; chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao có chất lượng, hiệu quả.

4. Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; tiến hành kiện toàn ngay các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021-2026, đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI, nhân sự lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội theo quy định. Xây dựng Quy chế làm việc, chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội.

5. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban đảng tỉnh ủy, đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn các văn bản liên quan đến chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử; chính sách để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp ủy, quản lý các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo vì lợi ích chung.

6. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các ban đảng tỉnh ủy có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo hoặc hướng dẫn công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp. Đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn, theo dõi, tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp; tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Kế hoạch này được quán triệt đến cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Vụ III - BTC Trung ương,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Các huyện, thành, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy + Hồ sơ Đại hội.

} báo
cáo

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Đức Thanh

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025-2030
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 10/7/2024
 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*

1. Tiêu chuẩn chung

Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khoá XII; trong đó, nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

(1) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

(2) Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”,... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

(3) Có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và “sản phẩm” cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao.

(4) Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

(5) Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị-xã hội (*chức vụ cao hơn*), nhìn chung phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm (24 tháng); trường hợp đặc biệt có thời gian giữ chức vụ ít nhất là 1 năm (12 tháng), do cấp ủy có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định.

(6) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):

Thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khoá XII về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, cơ quan nhà nước cấp tỉnh diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý; ủy viên ban thường vụ huyện, thành ủy, đảng ủy và các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước cấp huyện (bí thư, phó bí thư huyện ủy; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân): Thực hiện theo Quy định số 48-QĐ/TU, ngày 26/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước cấp cơ sở: Căn cứ vào tiêu chuẩn chung (nêu tại Mục 1, Phụ lục 1) và Quy định của địa phương, đơn vị cụ thể hóa để thực hiện bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, đơn vị.

PHỤ LỤC 2

ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025-2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 10/7/2024
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy

1.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây).

1.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây).

1.3. Đối với cấp xã:

- Cán bộ, công chức cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ): Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

- Trưởng công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

- Cán bộ hoạt động không chuyên trách: Thực hiện theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Tuổi lần đầu tham gia cấp ủy không quá 63 tuổi, tính đến thời điểm tổ chức đại hội.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy

2.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 4/1966, nữ sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 3/1968 trở lại đây). Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII thực hiện độ tuổi tái cử theo Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng.

2.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 3/1966, nữ sinh từ tháng 8/1970 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 12/1967 trở lại đây).

2.3. Đối với cấp xã:

- Cán bộ, công chức cấp xã: Nam sinh từ tháng 01/1966, nữ sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây.

- *Trưởng công an cấp xã*: Còn thời gian công tác ít nhất 30 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

- *Cán bộ hoạt động không chuyên trách*: Thực hiện theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Tuổi tham gia tái cử không quá 65 tuổi, tính đến thời điểm tổ chức đại hội.

2.4. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp uỷ căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Các đồng chí tham gia cấp uỷ địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp uỷ các cấp theo Chỉ thị 35-CT/TW và Kế hoạch này.

Các đồng chí tham gia cấp uỷ trong quân đội, công an, bộ đội biên phòng tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng đối với nhiệm kỳ 5 năm); trường hợp đặc biệt còn tuổi công tác từ 1 năm (12 tháng) đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định.

Đảng uỷ quân sự, công an, bộ đội biên phòng tỉnh phối hợp với ban tổ chức tỉnh uỷ và các cơ quan có liên quan căn cứ hướng dẫn của ngành cấp trên hướng dẫn cụ thể về độ tuổi cấp uỷ viên ở các chi bộ, đảng bộ trong quân sự, công an, biên phòng.

2.5. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Giao Ban thường vụ các huyện, thành uỷ, đảng uỷ khối cơ quan – doanh nghiệp tỉnh phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và các cơ quan có liên quan, căn cứ quy định nêu trên, hướng dẫn cụ thể về độ tuổi tái cử cấp uỷ đối với cán bộ trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc và các loại hình tổ chức khác cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị.

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 10/7/2024
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

I- SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Số lượng

- Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện như nhiệm kỳ 2015-2020.

+ Số lượng cấp ủy viên tỉnh không quá 51 đồng chí.

+ Số lượng cấp ủy viên huyện, thành phố từ 39-43 đồng chí.

+ Số lượng cấp ủy viên Đảng bộ Quân sự, Công an, Bộ đội Biên phòng tỉnh không quá 24 đồng chí. Riêng Đảng bộ Khối Cơ quan-Doanh nghiệp tỉnh không quá 31 đồng chí.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ chính trị quy định cụ thể số lượng cấp ủy viên cho từng đảng bộ.

- Cán bộ được Tỉnh điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư cấp ủy hoặc phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện nằm trong số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên thường vụ cấp ủy nêu tại Chỉ thị 35-CT/TW và Kế hoạch này.

2. Cơ cấu

- Giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ, xác định cơ cấu cấp ủy phù hợp tình hình thực tiễn, trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, quyết định.

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ để xác định cơ cấu cấp ủy, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

II- SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Ban thường vụ

1.1. **Số lượng:** Không quá 15 đồng chí.

1.2. **Định hướng cơ cấu:**

Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và 01 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch và 01 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và trưởng các ban: Tổ chức, tuyên giáo, dân vận, nội chính; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; chỉ huy trưởng quân sự, giám đốc công an; người đứng đầu cấp ủy một số địa bàn, lĩnh vực quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy.

2. Phó bí thư: Số lượng phó bí thư tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Bộ Chính trị sẽ quy định cụ thể sau khi tổng kết Kết luận số 88-KL/TW, ngày 19/9/2020 về bố trí số lượng phó bí thư các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2020-2025.

III- SỐ LƯỢNG ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Đối với huyện, thành phố

- Số lượng ủy viên ban thường vụ: Từ 11 đến 13 đồng chí.

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ chính trị quy định cụ thể số lượng ủy viên ban thường vụ cho từng đảng bộ.

+ Định hướng cơ cấu: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và 01 phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch và 01 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và trưởng các ban: Tổ chức, tuyên giáo, dân vận (kiêm chủ tịch Mặt trận Tổ quốc); trưởng quân sự, trưởng công an; người đứng đầu cấp ủy một số địa bàn, lĩnh vực quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của ban thường vụ cấp ủy.

- Số lượng phó bí thư 02 đồng chí.

2. Đối với đảng bộ còn lại trực thuộc Tỉnh ủy

Số lượng ủy viên ban thường vụ từ 07 đến 09 đồng chí, phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ chính trị quy định cụ thể số lượng ủy viên ban thường vụ cho từng đảng bộ.

IV- CẤP CƠ SỞ

1. Đối với đảng bộ xã, phường, thị trấn

- Số lượng cấp ủy viên không quá 15 đồng chí; ủy viên thường vụ không quá 05 đồng chí; phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí.

- Cơ cấu cấp ủy gồm: Cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ hoạt động không chuyên trách (*theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ*); cụ thể: bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân; trưởng quân sự, trưởng công an, trưởng mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội (phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, nông dân) và công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, bí thư chi bộ thôn, khu phố,....

Định hướng bố trí cơ cấu ban thường vụ cấp ủy, gồm: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân, trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc. Ban thường vụ cấp ủy cấp huyện căn cứ đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ chính trị, xem xét, quyết định định hướng cơ cấu ban thường vụ của từng cấp ủy xã, phường, thị trấn phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa bàn.

2. Những đảng bộ cơ sở thuộc loại hình khác

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cơ bản thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020-2025.

- Đối với đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước có phạm vi hoạt động rộng, nhiều đầu mối trực thuộc, đông đảng viên, thì số lượng cấp ủy không quá 19 đồng chí, ban thường vụ không quá 05 đồng chí.

- Cơ cấu cấp ủy do ban thường vụ các huyện, thành ủy, đảng ủy căn cứ vào quy định chung và tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn cho phù hợp.

V- ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Đối với những đảng bộ cấp xã thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu tại Chỉ thị 35-CT/TW và Kế hoạch này, nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác) và chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại Chỉ thị 35-CT/TW và Kế hoạch này.

PHỤ LỤC 4**QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN
NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 320/KH/TU ngày 10/7/2024
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

I- QUY TRÌNH NHÂN SỰ (các hội nghị thực hiện quy trình nhân sự chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt tham dự).

1. Quy trình nhân sự tái cử cấp ủy

(1) *Bước 1:* Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và danh sách nhân sự cấp ủy đương nhiệm; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

(2) *Bước 2:* Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2. Quy trình nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy

(1) *Bước 1:* Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được lựa chọn, giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định¹ trong danh sách nhân sự đã được ban thường vụ thông qua.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30%

¹ Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 41 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 21 người; số lượng được giới thiệu tối thiểu là 34 người (tính theo số dư 30%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 30% *(nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 30%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 2)*. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách đề giới thiệu ở bước 2.

(2) Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

+ Ở cấp tỉnh: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

+ Ở cấp huyện: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện, thành phố; bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc (hoặc phó bí thư nơi không có bí thư); chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

+ Ở đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; trưởng các tổ chức chính trị-xã hội; bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc (hoặc phó bí thư nơi không có bí thư).

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định² và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 25% *(nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 25%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 3)*. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách đề giới thiệu ở bước 3.

(3) Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

² Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 41 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 21 người; số lượng được giới thiệu tối thiểu là 32 người (tính theo số dư 25%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định³ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 20% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 20%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 4*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 4.

(4) Bước 4: Hội nghị ban thường vụ cấp uỷ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, ban thường vụ cấp uỷ thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁴ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 15% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 15%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 5*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5.

(5) Bước 5: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

³ Ví dụ: Tổng số cấp uỷ viên được phân bổ theo quy định là 41 người; số cấp uỷ viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp uỷ viên còn lại là 21 người; số lượng được giới thiệu tối thiểu là 30 người (tính theo số dư 20%). Đối với số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp uỷ, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

⁴ Ví dụ: Tổng số cấp uỷ viên được phân bổ theo quy định là 41 người; số cấp uỷ viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp uỷ viên còn lại là 21 người; số lượng được giới thiệu tối thiểu là 28 người (tính theo số dư 15%). Đối với số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp uỷ, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁵ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 4.

- Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*số lượng được giới thiệu tính theo số dư từ 10 đến 15%*). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do người đứng đầu cấp uỷ giới thiệu.

**** Lưu ý:***

- Kết quả kiểm phiếu ở các bước 1, 3, 4, 5 được công bố tại hội nghị; kết quả kiểm phiếu ở bước 2 không công bố tại hội nghị.

- Đối với cấp cơ sở có khó khăn về nguồn nhân sự, ban thường vụ các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc căn cứ tình hình thực tiễn, số lượng đảng viên của chi bộ, đảng bộ trực thuộc, hướng dẫn cụ thể về số lượng ở các bước bảo đảm số lượng nhân sự được giới thiệu có số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp uỷ viên được bầu.

II- DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình.
2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu (kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước).
3. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) do cá nhân tự khai (đánh máy) và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6, chụp trong thời gian không quá 6 tháng.
4. Bản kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng uỷ cơ quan nơi cán bộ công tác.
5. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (*nếu có*). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

⁵ Ví dụ: Tổng số cấp uỷ viên được phân bổ theo quy định là 41 người; số cấp uỷ viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp uỷ viên còn lại là 21 người; số lượng được giới thiệu tối thiểu từ 26 - 28 người (tính theo số dư từ 10 đến 15%). Đối với số lượng uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp uỷ, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

6. Nhận xét của chi uỷ nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.

7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành *(có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định)*.

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị,... *(có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền)*.

10. Kết luận tình trạng sức khỏe của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; hoặc giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền.

Các cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ chịu trách nhiệm chính trước Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

*** Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
